**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**TỈNH LÀO CAI**

Số 2567/QĐ-UBND

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lào Cai, ngày 19 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp  
và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/9/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương vê đôi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27//3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đôi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 ’;

Căn cứ Đề án số 06-ĐA/TƯ ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, giai đoạn 2016-2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 77/TTr-SGD&ĐT ngày 27/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phố thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025.

*(Có đề án chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và ƯBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cácnội dung của Đề án. Các sở, ban, ngành thuộc ƯBND tỉnh; ƯBND các huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tố chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng ƯBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch ƯBND các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./^^--

***Nưi nliận:***

* Như Điều 3 (QĐ);
* Văn phòng Chính phủ;
* Bộ Giáo dục và Đào tạo;
* TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
* TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
* Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
* cỵp, PCVP2;
* Cổng TTĐT tỉnh;

-Lưu: VT, TH1, VXi. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

KT. CHỦ TỊCH

\_ •

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**TỈNH LÀO CAI**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN**

**Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh  
trong giáo dục phố thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 44/8/2019  
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**PHẦN I:**

**THỤC TRẠNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LƯÒNG  
HỌC SINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

1. **KẾT QƯẢ ĐẠT ĐƯỢC**
2. Công tác Giáo dục hướng nghiệp:
   1. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp được tố chức thực hiện đúng quy định, cụ thê như sau:

Giáo dục hướng nghiệp là một hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông (được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó thời lượng dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp là 03 tiết/tháng đối với mỗi khối lớp trung học phổ thông (THPT) và 01 tiết/tháng đối với khối lớp 9 trung học cơ sở (THCS). Chương trình, nội dung tô chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp được từng trường xây dựng dựa trên gợi ý từ các chủ đề, chủ điểm giáo dục hướng nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cũng được tô chức lông ghép trong hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trong các giờ chào cờ, sinh hoạt lớp và lồng ghép trong nội dung một số môn học.

Dạy nghề phổ thông với thời lượng 105 tiết (đối với cấp THPT) và 70 tiết (đối với câp THCS) là một hoạt động nhằm giúp học sinh được trải nghiệm nghề, thông qua đó có những định hướng về nghề nghiệp của mình trong tương lai.

* 1. Các cơ sở giáo dục trung học đã thành lập Ban tư vấn hướng nghiệp, phân công giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp, hằng năm xây dựng kế hoạch, tô chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh; phối hợp với các trường chuyên nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng xã hội khác tư vấn, hướng nghiệp, lựa chọn ngành nghề cho học sinh; hướng nghiệp qua hoạt động trải nghiệm; có cơ sở giáo dục đã sử dụng một số phương pháp tiên tiến trong giáo dục hướng nghiệp, như: trắc nghiệm phát hiện năng lực, sở trường...
  2. Trong những năm qua, mô hình trường học gắn liền với thực tiễn trong các cơ sở giáo dục được triển khai mạnh mẽ, một số mô hình có tác dụng giáo dục hướng nghiệp rất phù hợp, như: trường học nông trại; trường học du lịch...

1. 4. Kết quả cụ thể: 100% học sinh THCS, THPT được tham gia các hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo các chủ đề, lồng ghép trong các hoạt động giáo dục tập thế, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thông qua nội dung một số môn học.
2. Công tác phân luồng:
   1. Quy mô, mạng lưới trường, lớp giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Lào Cai đã được rà soát, sắp xếp đáp ứng nhu câu học tập, đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

Năm học 2018-2019, toàn tỉnh có 197 trường có cấp THCS (trong đó có 91 trường đạt chuẩn quốc gia) với 1.637 lớp, 51.185 học sinh; 36 trường THPT (trong đó có 09 trường đạt chuẩn quốc gia) với 19.114 học sinh; 10 Trung tâm giáo dục nghê nghiệp (GDNN) và Giáo dục thường xuyên (GDTX) với 2.439 học sinh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 trường, trung tâm GDNN, gồm: 01 trường cao đăng, 01 trường trung câp, 12 trung tâm GDNN (11 trung tâm công lập và 01 trung tâm tư thục) và 03 trung tâm có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Tông sô ngành nghề đà được cấp phép đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp là 47 ngành, gồm 14 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 33 ngành đào tạo trình độ trung cấp; trung bình mỗi năm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tuyển sinh, đào tạo và bồi dưỡng lại cho trên 15.000 người/năm, trong đó cao đẳng, trung cấp: 2.800 người, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: 12.300 người.

* 1. Công tác phân luồng đà được chỉ đạo thực hiện từ tỉnh tới các cơ sở giáo dục: ƯBND tỉnh đã ban hành Ke hoạch số 63/KH-ƯBND ngày 23/02/2018 phân luồng học sinh THCS, THPT giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025; chỉ đạo ƯBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phân luồng học sinh của địa phương; các Sở Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, ƯBND các huyện, thành phố tố chức Hội nghị tuyển sinh, hướng nghiệp, phân luồng học sinh; các cơ sở giáo dục, đào tạo đã đây mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp và tố chức tuyển sinh, tố chức nhiều hoạt động có hiệu quả, đặc biệt là những hoạt động trải nghiệm thực tê tại các trường THPT, tại các cơ sở đào tạo...
  2. Kết quả cụ thể:

Phân luồng học sinh sau THCS: Tỷ lệ học sinh học THPT và GDTX: 72,85%; tỷ lệ học sinh học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp: 16,4%.

Phân luồng học sinh sau THPT: Tỷ lệ học sinh học Đại học: 34,3%; tỷ lệ học sinh học Cao đẳng: 14,6%; tỷ lệ học sinh học trung cấp nghề: 7,8%; tỷ lệ học sinh học sơ cấp nghề: 12,7%.

1. TÒN TẠI, HẠN CHÉ, KHÓ KHĂN
2. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở một số cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế; một số hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hình thức, chưa đi vào thực chất; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp còn thấp (16,4%), tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng còn thấp (14,6%).
3. Không có đội ngũ giáo viên chuyên trách về công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông; cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm công tác giáo dục hướng nghiệp ở nhiều cơ sở giáo dục chưa được tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng, không có chuyên môn, kiến thức về hoạt động này; chưa có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ (Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có tiêu chí đánh giá).
4. Mặc dù đã được giao tự chủ nhung một số nhà trường chưa chủ động xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp có chất lượng, phù hợp với đặc thù địa phương và nhà trường; chưa có cơ sở giáo dục xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp găn với hoạt động sản xuât, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.
5. Công tác phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với các ban, ngành liên quan, các tô chức, cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động chưa chặt chẽ đê tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh.
6. Mạng lưới các trường đào tạo nghề, đào tạo trung cấp chuyên nghiệp trong tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu về quy mô và chất lượng. Năng lực đào tạo của các Trung tâm GDNN-GDTX, giới thiệu việc làm còn chưa cập so với nhiệm vụ, chưa tạo được địa chỉ tin cậy của người sử dụng lao động và của đối tượng có nhu cầu học nghề như cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề chưa đồng bộ, đội ngũ giáo viên còn thiếu, một số trung tâm còn chưa có giáo viên dạy nghề nên công tác đào tạo chưa đảm bảo được chất lượng, yêu cầu đặt ra.
7. Thị trường lao động của tỉnh Lào Cai tuy có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với các tỉnh miền núi lân cận nhưng các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự chú trọng việc sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề, vẫn còn tình trạng sử dụng lao động phổ thông chưa qua đào tạo.
8. **NGUYÊN NHÂN**
9. Nguyên nhân của những kết quả:
   1. Chủ trương hướng nghiệp, phân luồng đã được Tỉnh ủy, ƯBND tỉnh xác định rõ trong các chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo về công tác giáo dục. Hệ thống mạng lưới trường lớp học, các cơ sở đào tạo nghề được rà soát, sắp xếp lại đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo.
   2. Ngành Giáo dục đã tham mưu cho ƯBND tỉnh ban hành kế hoạch phân luồng học sinh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; ƯBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch phân luồng học sinh trên địa bàn huyện, thành phố.
   3. Ở một số cơ sở giáo dục, đào tạo đã quan tâm, chú trọng tới công tác hướng nghiệp, phân luồng gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo.
10. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:
    1. Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học của các cơ quan, ban ngành, đoàn thế, cộng đồng xã hội, gia đình học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh chưa đầy đủ.
    2. Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục hướng nghiệp chưa đôi mới kịp thời theo yêu cầu đối mới kinh tế - xã hội nói chung và đổi mới giáo dục - đào tạo nói riêng.
    3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng về chất lượng.
    4. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động của tỉnh chưa phát triển mạnh; mối liên hệ giữa các cơ sở đào tạo nghề với đơn vị sử dụng lao động chưa chặt chẽ.
    5. Tình hình kinh tế của tỉnh trong những năm gần đây chuyển biến mạnh nhưng Lào Cai vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn, cơ cấu kinh tế chưa đồng đều, thị trường lao động chưa đáp ứng được nhu cầu của người lao động trong tỉnh.

**PHẦN 2**

**MỤC TIÊU, NHIỆM vụ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU  
TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2025**

1. **CĂN CỨ XÂY DựNG ĐÈ ÁN**
2. Văn bản của Trung ương:

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đôi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngàỵ 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Quỵết định số 404/QĐ-TTg ngày 27//3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn.

Quỵết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

1. Văn bản của địa phương

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020.

Đề án số 06-ĐA/TƯ ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, giai đoạn 2016-2020”.

Chương trình hành động số 117-CTr/TƯ ngày 20/5/2013 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phô cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luông học sinh sau THCS và xóa mù chừ cho người lớn.

Kế hoạch số 63/KH-ƯBND ngày 23/02/2018 của ƯBND tỉnh phân luồng học sinh THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.

Kế hoạch số 109/KH-ƯBND ngày 12/3/2019 của ƯBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 21/6/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2020.

1. Căn cú’ thực tiễn:

* Làm tôt hoạt động giáo dục hướng nghiệp sẽ thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và góp phân quan trọng trong việc phân luồng học sinh đế tạo nguồn đào tạo cán bộ và phát triến nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
* Làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học sẽ giúp định hướng phát triên nghề nghiệp tương lai cho học sinh; tạo ra nguồn nhân lực tiềm năng có số lượng lớn, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần quan trọng trong việc phân công lao động một cách hợp lý ngay từ khi học sinh ngồi trên ghế nhà trường phô thông; góp phần on định chính trị, kinh tế của địa phương.

1. **MỤC TIÊU**
2. Mục tiêu tống quát:

Tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyến biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phô thông vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù họp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh, quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế.

1. Mục tiêu cụ thể:
2. Mục tiêu đến năm 2020:

* Khoảng 55% trường trung học cơ sở, 65% trường trung học phô thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 50% đối với cả hai cấp học trên;
* Khoảng 55% trường trung học cơ sở, 65% trường trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu vê chuyên môn, nghiệp vụ; đối với các huyện 30a, các xã có điêu kiện kinh tê - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 50% đối với cả hai cấp học trên;
* Phấn đấu ít nhất 25% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 20%;
* Phấn đấu ít nhất 35% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 25%.

1. Mục tiêu đến năm 2025:

* Phấn đấu 100% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%;
* Phấn đấu 100% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ; đối với các huyện 30a, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%;
* Phấn đấu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%;
* Phấn đấu ít nhất 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng; đối với các huyện 3Oa, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 35%.

1. **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**
2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

* Đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục phổ thông, cha mẹ học sinh, học sinh về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong học sinh phổ thông.
* Đưa nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phô thông vào chủ trương, kế hoạch chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong huy động, vận động học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT, học nghề, học sinh tốt nghiệp THPT đi học nghề.
* Huy động đồng bộ các lực lượng xã hội (tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội khuyến học, tố chức xã hội nghề nghiệp... tham gia tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức cho học sinh, thanh thiêu niên về giáo dục hướng nghiệp.
* Bổ sung, cập nhật, hoàn thiện trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT, Sở LĐ-TB&XH, kết nối với cổng thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục; hình thành cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến từng ngành, nghề của tỉnh; cung cấp thông tin mô tả ngành, nghề và thông tin tuyến dụng, nhu cầu sử dụng lao động, xu hướng phát triển của từng ngành, nghề của địa phương, toàn quốc và quốc tế ngắn hạn và dài hạn; kết nối giữa các trường trung học với phòng Lao động - Thương binh và xã hội ở địa phưong, với hội nghề nghiệp, hội doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ...
* Tăng cường phối họp tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh phố thông như: Ngày hội tư vấn, hướng nghiệp, thi tìm hiểu về nghề nghiệp...; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân, công nhân lành nghề...

1. Đối mó’i nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp:
2. *Xây dụng kế hoạch giảo dục:*

* Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, trong đó có kế hoạch giáo dục hướng nghiệp;
* Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất (kinh doanh, dịch vụ) của địa phương (phù họp với đặc thù từng đơn vị): Mỗi huyện, thành phố xây dựng tối thiểu 02 trường THCS điển hình về kế hoạch giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất (kinh doanh, dịch vụ) của địa phương; Sở GD&ĐT xây dựng tối thiếu 02 trường THPT điển hình về kế hoạch giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất (kinh doanh, dịch vụ) của địa phương;
* Các trường PTDTNT, PTDTBT căn cứ điều kiện thực tế, tăng thời lượng tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp; khuyến khích các cơ sở giáo dục khác tăng thời lượng tố chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp phù hợp với thực tế.

1. *Đổi mới nội dung giảo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giảo dục trong nhà trường:*

* Đối với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành: Đổi mới nội dung dạy học trong chương trình theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù họp với lứa tuôi, văn hóa, vùng miền; tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; bô sung, cập nhật các nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn
* Đối với chương trình giáo dục phổ thông mới: Chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán (giáo dục STEM) trong chương trình phù họp với xu hướng phát triển ngành nghề, đáp ứng thị trường lao động, chuẩn bị điều kiện đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

1. Đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách đối với người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;
2. Tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan quản lý giáo dục với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp và học sinh phố thông sau khi tốt nghiệp vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

đ) Xây dựng mô hình thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luông học sinh trong giáo dục phổ thông, trong đó áp dụng phương thức hướng nghiệp tiên tiến, có sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp

* Cấp THCS: Mỗi huyện, thành phố lựa chọn tối thiểu 01 trường (riêng thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng lựa chọn tối thiểu 02 trường) để xây dựng thí điểm.
* Cấp THPT: Lựa chọn tối thiểu 02 trường THPT để xây dựng thí điểm.
* Tiếp tục triển khai mô hình “trường PTDTNT, PTDTBT gắn với hướng nghiệp, dạy nghê”; gắn kết chặt chẽ các hoạt động của mô hình “trường học gắn liền với thực tiễn” với hướng nghiệp, dạy nghề.
* Tổ chức dạy nghề sơ cấp cho học sinh các trường THPT, học viên trung tâm GDNN-GDTX ở những nơi có điều kiện và theo nhu cầu của người học, đặc biệt là các trường PTDTNT, trường THPT có học sinh bán trú; gắn hoạt động dạy nghề phố thông với giáo dục nghề nghiệp.

1. Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động của huyện, tỉnh và trong cả nước cho các cơ sở giáo dục: Sở LĐ- TB&XH, các phòng LĐ-TB&XH cung cấp thông tin theo từng giai đoạn (5 năm) và từng năm cho Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT trên địa bàn trước 30/9 hàng năm; Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục sử dụng các thông tin phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp.
2. Đấy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đôi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phố thông, về nhu cầu lao động, thị trường lao động: Tô chức Hội nghị, Hội thảo, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến; phát huy vai trò, hiệu quả của các trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp; tăng cường sử dụng các phần mềm hướng nghiệp (trắc nghiệm năng lực, sở thích; lựa chọn nghề...).
3. Phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp:
4. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh phố thông tỉnh Lào Cai (đề tài khoa học cấp tỉnh đã được phê duyệt theo Quyết định số 3916/QĐ-ƯBND ngày 05/12/2018 của ƯBND tỉnh).
5. Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp, đảm bảo mỗi trường hạng 03 có tối thiểu 01 giáo viên kiêm nhiệm, trường hạng 2, hạng 1 có tối thiểu 02 giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp vê kiến thức, kỹ năng tư vấn, phương pháp tư vấn hiện đại với sự trợ giúp của công nghệ thông tin... đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ: Mỗi giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp được bồi dưỡng, tập huấn tối thiểu 01 lần/năm học.
6. Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán hoạt động giáo dục hướng nghiệp

* Câp tỉnh: Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng cấp học (THCS va THPT).
* Câp huyện: Mỗi huyện xây dựng 01 tổ giáo viên cốt cán hoạt động giáo dục hướng nghiệp cấp THCS.

1. Thu hút các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục nghê nghiệp, các doanh nhân... tham gia làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.
2. Tăng cường CO’ sỏ’ vật chất, trang thiết bị dạy học gắn vói giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phồ thông:
3. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng diện tích đất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề, giáo dục STEM:

Đâu tư đảm bảo đồng bộ, đầy đủ thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp (thực hiện theo Ke hoạch số 119/KH-ƯBND ngày 21/3/2019 về thực hiện đảm bảo cơ sở vật chât cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai).

Đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục STEM (theo Kế hoạch số 257/KH-ƯBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh và kế hoạch của từng huyện, thành phố).

1. Hỗ trợ trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh, các trung tâm GDNN- GDTX huyện tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề.
2. Xây dựng CO’ chế, chính sách đối vói học sinh đi học nghề:

Nghiên cứu, xây dựng các chính sách của tỉnh đế hỗ trợ học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

1. Huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nưó’c tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh:
2. Tăng cường sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.
3. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ sớ giáo dục phố thông với phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở sản xuât, kinh doanh nhằm khai thác, sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luông học sinh phô thông.
4. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.
5. Tăng cường quản lý đối vói giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh:
6. Hoàn thiện và khai thác hiệu quả chuyên trang về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo.
7. Củng cô bộ phận kiêm nhiệm quản lý, theo dõi về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luông học sinh tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; tô tư vấn, hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học.
8. Thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luông học sinh phô thông trên địa bàn toàn tỉnh.
9. **Lộ TRÌNH THỰC HIỆN**
10. Từ năm 2019 đến năm 2020:

* Rà soát, đảnh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu giai đoạn 2019-2020.
* Bô sung, cập nhật nội dung giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; xây dựng nội dung giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phô thông mới.
* Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng.
* Hoàn thiện chuyên trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng.
* Hỗ trợ thiết bị dạy học cho một số cơ sở giáo dục được lựa chọn thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng.
* Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2020 và triển khai các giai đoạn tiếp theo.

1. Từ năm 2020 đến năm 2025:

* Tiếp tục hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục triển khai thí điểm và tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện giáo dục hướng nghiệp.
* Duy trì và hoàn thiện các hoạt động đã triển khai giai đoạn từ năm 2019 - 2020.
* Bổ sung, điều chỉnh một số hoạt động (nếu cần thiết) phù họp với yêu cầu chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả.
* Tổng kết thực hiện Đề án vào cuối năm 2025.

1. **KINH PHÍ**

1. Nguồn kinh phí:

* Nguồn ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho các ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
* Nguồn thu họp pháp của các cơ sở giáo dục; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn xã hội khác.
* Nguồn vốn vay ODA từ các chương trình, dự án.

Căn cứ nội dung chi thực hiện Đề án, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lập dự toán thực hiện Đề án hằng năm và tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của cơ quan, đơn vị, địa phương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

1. Nguồn ngân sách nhà nước đưọc chi cho các hoạt động:

* Biên soạn tài liệu tham khảo, tài liệu tập huấn phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh.
* Hoàn thiện trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phố thông trên hệ thống thông tin quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo.
* Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; tập huấn giáo viên về dạy học tích họp giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM.
* Hỗ trợ thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM cho một số trường trung học, trung tâm KTTH-HNDN&GDTX, trung tâm GDNN- GDTX.
* Thực hiện những hoạt động khác theo nhiệm vụ của Đề án phù họp quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

**PHẦN 3**

**TÔ CHỨC THỤC HIỆN**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (co’ quan chủ trì Đồ án):

* Chủ trì, phối họp các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể liên quan và ƯBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Đề án này; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triến khai thực hiện Đề án này trong phạm vi toàn tỉnh theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh.
* Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, ƯBND cấp huyện tiếp tục tham mưu ƯBND tỉnh triến khai thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện Đề án.
* Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đã có; đồng thời xây dựng kế hoạch bố sung kịp thời, đầy đủ, đảm bảo về chât lượng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Đề án.
* Chủ trì, phối họp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Ke hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan và ƯBND cấp huyện tổ chức rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm các điều kiện triển khai thực hiện Đề án.

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

* Chủ trì nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích học sinh đi học nghê; hô trợ kinh phí cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và những cơ sở đào tạo học sinh sau trung học cơ sở vào học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
* Cung cấp thông tin về năng lực đào tạo, thông tin tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghê nghiệp; tỷ lệ học sinh, sinh viên sau khi tôt nghiệp có việc làm; thông tin vê nhu câu việc làm, thị trường lao động theo định kỳ (hăng năm và giai đoạn 5 năm).
* Phối hợp Sở Tài chính huy động, bố trí nguồn kinh phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện Đề án.
* Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động triển khai thực hiện Đề án; căn cứ điều kiện thực tế xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp với đơn vị mình.
* Phôi hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo ƯBND tỉnh thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo.

1. Sỏ’ Tài chính:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, ƯBND cấp huyện tham mưu cho ƯBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.

1. Sỏ’ Ke hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công, tham mưu trình ƯBND tỉnh bố trí nguôn vôn đâu tư công thực hiện Đề án theo quy định (nếu có).

1. Sỏ’ Thông tin và Truyền thông:

Phôi họp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo định hướng các cơ quan báo, đài thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền triển khai thực hiện Đề án.

1. Các CO’ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thông tin tuyên truyền về nội dung giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phố thông trên địa bàn tỉnh.

1. Các sỏ’, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội liên quan:

Xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ có liên quan để thực hiện Đề án theo quy định; phối họp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng được giao; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo ƯBND tỉnh thồng qua Sở Giáo dục và Đào tạo.

1. ƯBND các huyện, thành phố:

* Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông trong phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn triển khai thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.
* Xây dụng kế hoạch, dự toán ngân sách của địa phương triển khai thực hiện Đê án của ƯBND tỉnh; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng, đoàn thế, tô chức xã hội của địa phương liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tồng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo ƯBND tỉnh thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo.

1. Đồ nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo các Huyện/Thành ủy và các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động các tố chức và nhân dân tích cực tham gia thực hiện Đề án này.

1. Đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh:

Phối họp tham gia phố biến thông tin nội dung triển khai thực hiện Đề án, vận động các tổ chức, nhân dân tích cực tham gia và giám sát thực hiện Đề án nàỵ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH CHỦ TỊCH ycTM**

**CÓ CHƯƠNG TRÌ**

**SẢN X**

(Kèm theo Đề án gi phô

**Êư TỶ LỆ TRƯỜNG THCS**

**HƯỚNG NGHIỆP GẲN VỚI HOẠT ĐỘNG H, DỊCH VỤ CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

à định hướng phán luồng học sinh trong giảo dục nh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thành phố** | **Tổng sô trường THCS** | **Có chương trình GDHN gắn vó’i SX,KD,DV** | | | |
| **2019-2020** | | **2021-2025** | |
| **Số trường** | **Tỷ lệ %** | **Số trưÒTig** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Bắc Hà | 22 | 11 | 50,00 | 18 | 81,82 |
| 2 | Bảo Yên | 25 | 14 | 56,00 | 25 | 100,00 |
| 3 | Bảo Thắng | 22 | 14 | 63,64 | 22 | 100,00 |
| 4 | Bát Xát | 24 | 12 | 50,00 | 24 | 100,00 |
| 5 | Mường Khương | 19 | 10 | 52,63 | 16 | 84,21 |
| 6 | Sa Pa | 20 | 11 | 55,00 | 20 | 100,00 |
| 7 | Văn Bàn | 24 | 14 | 58,33 | 24 | 100,00 |
| 8 | Lào Cai | 19 | 14 | 73,68 | 19 | 100,00 |
| 9 | Si Ma Cai | 13 | 7 | 53,85 | 11 | 84,62 |
|  | **Toàn tỉnh** | **188** | **107** | **56,91** | **179** | **95,21** |



CÓ CHƯƠNG

(Kèm theo Đề cỉrì giiớ'dục~h

**ục TIÊU TỶ LỆ TRƯỜNG THPT**

**DỤC HƯỜNG NGHIỆP GẢN VỚI HOẠT ĐỘNG OANH, DỊCH vụ CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

ghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giảo dục àn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | ^^7  **Wrong** | **Có chưong trình GDHN gắn vói SX,KD,DV** | |
| **2019-2020** | **2021-2025** |
| 1 | THPT số 1 huyện Bảo Yên | X | X |
| 2 | THPT số 2 huyện Bảo Yên | X | X |
| 3 | THPT số 3 huyện Bảo Yên |  | X |
| 4 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên | X | X |
| 5 | THPT số 1 huyện Văn Bàn | X | X |
| 6 | THPT số 2 huyện Văn Bàn | X | X |
| 7 | THPT số 3 huyện Văn Bàn |  | X |
| 8 | THPT số 4 huyện Văn Bàn |  | X |
| 9 | PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn | X | X |
| 10 | THPT số 1 huyện Báo Thẳng | X | X |
| 11 | THPT số 2 huyện Bảo Thẳng | X | X |
| 12 | THPT số 3 huyện Bảo Thắng |  | X |
| 13 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng | X | X |
| 14 | THPT số 1 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 15 | THPT số 2 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 16 | THPT số 3 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 17 | THPT số 4 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 18 | THPT Chuyên | X | X |
| 19 | THPT DTNT tỉnh | X | X |
| 20 | THPT số 1 huyện Sa Pa | X | X |
| 21 | THPT số 2 huyện Sa Pa |  | X |
| 22 | PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa | X | X |
| 23 | THPT số 1 huyện Bát Xát | X | X |
| 24 | THPT số 2 huyện Bát Xát |  | X |
| 25 | THCS&THPT huyện Bát Xát |  | X |
| 26 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát | X | X |
| 27 | THPT sổ 1 huyện Mường Khương | X | X |
| 28 | THPT số 2 huyện Mường Khương |  | X |
| 29 | THPT số 3 huyện Mường Khương |  | X |
| 30 | PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương | X | X |
| 31 | THPT số 1 huyện Bẳc Hà | X | X |
| 32 | THPT số 2 huyện Bắc Hà |  | X |
| 33 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà | X | X |
| 34 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai |  | X |
| 35 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai |  | X |
| 36 | PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai | X | X |
|  | **Toàn tỉnh** | **24 (66,67%)** | **36 (100%)** |



**MỤC TIÊU TỶ ỰỜNG THCS CÓ GIÁO VIÊN KIÊM NHIỆM TƯ VÁN**

**NGHIỆP ĐÁP ỨNG YÊU CÀƯ**

nghiệp và định hưởng phán luồng học sinh trong giảo dục ạ bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thànKa^. phố** | **jTo^fso ^nrờn g**  **THCS** | **Có chưong trình GDHN gắn vói SX,KD,DV** | | | |
| **2019-2020** | | **2021-2025** | |
| **Số trường** | **Tỷ lệ %** | **Số trưÒTig** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Bắc Hà | 22 | 11 | 50,00 | 18 | 81,82 |
| 2 | Bảo Yên | 25 | 13 | 52,00 | 25 | 100,00 |
| 3 | Bảo Thắng | 22 | 13 | 59,09 | 22 | 100,00 |
| 4 | Bát Xát | 24 | 14 | 58,33 | 24 | 100,00 |
| 5 | Mường Khương | 19 | 10 | 52,63 | 16 | 84,21 |
| 6 | Sa Pa | 20 | 11 | 55,00 | 20 | 100,00 |
| 7 | Văn Bàn | 24 | 14 | 58,33 | 24 | 100,00 |
| 8 | Lào Cai | 19 | 16 | 84,21 | 19 | 100,00 |
| 9 | Si Ma Cai | 13 | 7 | 53,85 | 11 | 84,62 |
|  | **Toàn tỉnh** | **188** | **109** | **57,98** | **179** | **95,21** |



MỤC TIÊU TỶ

*(Kèm theo Để á*

**Ỉ)NG THPT CÓ GIÁO VIÊN KIÊM NHIỆM Tư VÁN Ộ^GHIỆP ĐÁP ỨNG YÊU CÀU**

iệp và định hướng phân luồng học sinh trong giảo dục **\Ịĩi,bàn** tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **'^dÉrữỡng** | **Có chưong trình GDHN gắn vói**  **SX,KD,DV** | |
| **2019-2020** | **2021-2025** |
| 1 | THPT số 1 huyện Bảo Yên | X | X |
| 2 | THPT số 2 huyện Bảo Yên | X | X |
| 3 | THPT số 3 huyện Bảo Yên |  | X |
| 4 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên | X | X |
| 5 | THPT số 1 huyện Văn Bàn | X | X |
| 6 | THPT số 2 huyện Văn Bàn | X | X |
| 7 | THPT số 3 huyện Văn Bàn |  | X |
| 8 | THPT số 4 huyện Văn Bàn |  | X |
| 9 | PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn | X | X |
| 10 | THPT số 1 huyện Bảo Thắng | X | X |
| 11 | THPT số 2 huyện Bảo Thẳng | X | X |
| 12 | THPT số 3 huyện Bảo Thắng |  | X |
| 13 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng | X | X |
| 14 | THPT số 1 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 15 | THPT số 2 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 16 | THPT số 3 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 17 | THPT số 4 Thành phố Lào Cai | X | X |
| 18 | THPT Chuyên | X | X |
| 19 | THPT DTNT tỉnh | X | X |
| 20 | THPT số 1 huyện Sa Pa | X | X |
| 21 | THPT số 2 huyện Sa Pa |  | X |
| 22 | PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa | X | X |
| 23 | THPT số 1 huyện Bát Xát | X | X |
| 24 | THPT số 2 huyện Bát Xát |  | X |
| 25 | THCS&THPT huyện Bát Xát |  | X |
| 26 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát | X | X |
| 27 | THPT số 1 huyện Mường Khương | X | X |
| 28 | THPT số 2 huyện Mường Khương |  | X |
| 29 | THPT số 3 huyện Mường Khương |  | X |
| 30 | PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương | X | X |
| 31 | THPT số 1 huyện Bẳc Hà | X | X |
| 32 | THPT số 2 huyện Bắc Hà |  | X |
| 33 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà | X | X |
| 34 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai |  | X |
| 35 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai |  | X |
| 36 | PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai | X | X |
|  | **Toàn tỉnh** | **24 (66,7%)** | **36 (100%)** |



*theo*

**ư TỶ LỆ HỌC SINH TÓT NGHIỆP THCS HÈ NGHIỆP TRÌNH Độ TRƯNG CÁP, so CẤP**

? /lứơrịg nghiệp và định hướng phân luông học sinh trong giảo dục ịa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** |  | **Mục tiêu (%)** | |
| **2019-2020** | **2021-2025** |
| 1 | Bắc Hà | 20% | 30% |
| 2 | Bảo Yên | 25% | 37% |
| 3 | Bảo Thắng | 25% | 38% |
| 4 | Bát Xát | 25% | 36% |
| 5 | Mường Khuông | 20% | 30% |
| 6 | Sa Pa | 27% | 36% |
| 7 | Văn Bàn | 25% | 37% |
| 8 | Lào Cai | 25% | 40% |
| 9 | Si Ma Cai | 20% | 30% |
|  | **Toàn tỉnh** | **23,9%** | **35,6%** |

phôđhôn



**ỄLƯ TỶ LỆ HỌC SINH TỐT NGHIỆP THPT**

**NGHỀ NGHIỆP TRÌNH Độ CAO ĐẮNG** nghiệp và định hướng phản luồng học sinh trong giảo dục 'ỉĩpỊỉịa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2025)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | Ww | **Mục tiêu (%)** | |
| **2019-2020** | **2021-2025** |
| 1 | THPT số 1 huyện Bảo Yên | 33% | 42% |
| 2 | THPT số 2 huyện Bào Yên | 31% | 42% |
| 3 | THPT số 3 huyện Bảo Yên | 32% | 40% |
| 4 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên | 32% | 40% |
| 5 | THPT số 1 huyện Văn Bàn | 34% | 42% |
| 6 | THPT số 2 huyện Văn Bàn | 33% | 42% |
| 7 | THPT số 3 huyện Văn Bàn | 31% | 35% |
| 8 | THPT số 4 huyện Văn Bàn | 32% | 42% |
| 9 | PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn | 32% | 40% |
| 10 | THPT số 1 huyện Bảo Tháng | 35% | 45% |
| 11 | THPT số 2 huyện Bảo Thắng | 35% | 45% |
| 12 | THPT số 3 huyện Bảo Thắng | 34% | 43% |
| 13 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng | 32% | 40% |
| 14 | THPT số 1 Thành phố Lào Cai | 25% | 30% |
| 15 | THPT số 2 Thành phố Lào Cai | 35% | 45% |
| 16 | THPT số 3 Thành phố Lào Cai | 35% | 45% |
| 17 | THPT số 4 Thành phố Lào Cai | 35% | 45% |
| 18 | THPT Chuyên | 5% | 5% |
| 19 | THPT DTNT tỉnh | 30% | 40% |
| 20 | THPT số 1 huyện Sa Pa | 32% | 42% |
| 21 | THPT số 2 huyện Sa Pa | 30% | 35% |
| 22 | PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa | 32% | 40% |
| 23 | THPT số 1 huyện Bát Xát | 33% | 42% |
| 24 | THPT số 2 huyện Bát Xát | 32% | 41% |
| 25 | THCS&THPT huyện Bát Xát | 30% | 35% |
| 26 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát | 32% | 40% |
| 27 | THPT số 1 huyện Mường Khương | 30% | 35% |
| 28 | THPT số 2 huyện Mường Khương | 30% | 35% |
| 29 | THPT số 3 huyện Mường Khương | 30% | 35% |
| 30 | PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương | 30% | 35% |
| 31 | THPT số 1 huyện Bắc Hà | 30% | 35% |
| 32 | THPT số 2 huyện Bắc Hà | 30% | 35% |
| 33 | PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà | 30% | 35% |
| 34 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai | 30% | 35% |
| 35 | THPT số 1 huyện Si Ma Cai | 30% | 35% |
| 36 | PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai | 30% | 35% |
|  | **Toàn tỉnh** | **32%** | **41,8%** |

